

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/DS-ST

Ngày: 25-5-2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Trương Thị Hiệp

*- Thư ký phiên Tòa:* Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*\*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 278 đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*\*Bị đơn:* Anh Hồ Văn H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 56 đường, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị V1 trình bày:* Chị và anh Hồ Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B (nay là UBND phường B), sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở phường Bình Định, vợ

chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05-06 năm đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có tính gia trưởng, anh nói gì mà chị không nghe theo là anh đánh, chị nhẫn nhịn bỏ qua nhưng anh H không thay đổi nên đến tháng 11/2020, chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, sau khi thẩm phán phân tích thì chị rút đơn đề cho anh H thêm cơ hội. Ngày 23/12/2020, vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn cãi nhau, anh H đánh chị phải nhập viện nên chị quyết định dọn ra ngoài thuê nhà ở. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H nhiều lần gọi chị về chung sống nhưng do anh H không có thành ý nên chị không về, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Hồ Nguyễn Huyền V2 (sinh ngày 23.9.2004) và Hồ Quốc C (sinh ngày 25.5.2015), trước đây hai con ở với anh H nhưng khi anh H đi xe thì hai con qua ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 người con, vì anh H là tài xế đang chạy taxi khách cho nhà xe C, cứ hai ngày đi thì nghỉ ở nhà 01 ngày nên không có thời gian chăm sóc con, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 1.500.000đ/người con.

Về tài sản chung, quá trình chung sống vợ chồng có các tài sản như sau: 06 chỉ vàng 24k do vợ chồng làm dành dụm được, 01 chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969 mua năm 2008 đứng tên chị Phan Thị T chưa làm thủ tục sang tên, 01 chiếc xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-04747 đứng tên Hồ Văn H do vợ chồng mua lại vào năm 2019 giá 19.000.000đ, 01 chiếc máy may công nghiệp và 01 máy vắt sổ. Sau khi chị nộp đơn ly hôn và khi Tòa án gửi giấy báo về thì anh H đã bán chiếc xe Air Blade với số tiền 11.000.000đ và bán 02 chỉ vàng y để chữa bệnh cho con chỉ còn 04 chỉ vàng 24k anh H đang quản lý. Ngày 20/4/2021 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 chiếc máy may công nghiệp và 01 máy vắt sổ.

Ly hôn, chị yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24k do anh H đang quản lý và yêu cầu anh H giao cho chị sở hữu ½ giá trị xe Air Blade là 5.500.000đ.

Về nợ: Không yêu cầu giải quyết.

*\* Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Văn H trình bày:* Thống nhất như chị V1 trình bày về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 17 năm đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian gần đây anh phát hiện chị V1 theo đạo pháp môn hộ niệm gì đó rất lạ. Từ ngày theo đạo này, chị V1 bỏ bê công việc gia đình, chồng con, anh tìm hiểu sách báo chị V1 đem về thì thấy đạo này truyền bá rằng cha, mẹ, vợ, chồng và con cái coi như nghiệp chướng, anh có ý kiến thì chị V1 bảo thà bỏ chồng chứ không bỏ đạo. Từ chuyện này vợ chồng mâu thuẫn kinh cãi, chị V1 bỏ về nhà mẹ ruột ở tỉnh Q sống được 04-05 ngày thì anh thuyết phục chị V1 về chung sống. Trước khi về chị V1 có hứa với anh sẽ bỏ đạo nhưng sau đó vẫn

không bỏ mà nhắc lại câu thà bỏ chồng chứ không bỏ đạo nên anh nóng giận có đánh vợ 2 tát tai, sau đó chị V1 bỏ ra ngoài thuê nhà sống. Anh và con gái lớn nhiều lần thuyết phục chị V1 về nhà sống nhưng chị V1 không đồng ý, vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/12/2020 âm lịch, anh xác định tình cảm không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị V1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Hồ Nguyễn Huyền V2 sinh ngày 23.9.2004 và Hồ Quốc C sinh ngày 25.5.2015, trước đây hai con ở với anh nhưng hiện tại thì chị V1 đang nuôi dưỡng hai người con. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu chị V1 cấp dưỡng nuôi con, hiện anh là tài xế đang chạy taxi cho nhà xe C thu nhập trung bình hàng tháng của anh từ 8.000.000đ-9.000.000đ. Nếu giao 02 người con cho chị V1 nuôi thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vợ chồng có các tài sản như sau: Vàng cưới có 06 chỉ vàng 24k đã bán chỉ tiêu hết không còn, 01 chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969 do vợ chồng mua năm 2008 đứng tên P chưa làm thủ tục sang tên hiện anh đang quản lý; 01 chiếc xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-047.47 đứng tên Hồ Văn H do vợ chồng mua xe cũ vào năm 2019 mua giá 19.000.000đ, cuối năm 2020 lúc vợ bỏ đi thì anh đã bán cho một người không rõ họ tên ở phường Nhơn Thành với giá 7.500.000đ để lấy tiền chi tiêu cho 3 cha con hết không còn; 01 bàn máy may công nghiệp và 01 máy vắt sỏ do chị V1 đang quản lý. Ngày 29/4/2021 anh có đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 chiếc máy may công nghiệp và 01 máy vắt sỏ.

Ly hôn anh không đồng ý với yêu cầu của chị V1, vì 06 chỉ vàng 24k và số tiền bán xe Air Blade đã chi tiêu hết nên không đồng ý chia.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V1 và anh Hồ Văn H.
- Giao hai cháu Hồ Nguyễn Huyền V2 và Hồ Quốc C cho chị Nguyễn Thị V1 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hồ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu V2 và C mỗi cháu 1.500.000đ/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

- Buộc anh Hồ Văn H phải giao cho chị Nguyễn Thị V1 số tiền 5.500.000đ và 02 chỉ vàng 24k
- Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung đối với 01 xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 chiếc máy may công nghiệp và 01 máy vắt sổ.
- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **[1] Về tố tụng:**

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị V1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hồ Văn H, yêu cầu giải quyết con chung và tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có địa chỉ cư trú tại 56 đường, phường B, thị xã A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V1 và anh Hồ Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND thị trấn Bình Định (nay là phường Bình Định) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị V1, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị V1 gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn vào tháng 12/2020. Sau đó chị V1 rút đơn ly hôn để vợ chồng chung sống đoàn tụ nhưng sau khi rút đơn ly hôn thì chị V1, anh H lại tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 và chị V1 tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Trong quá trình làm việc, hòa giải và tại phiên tòa chị V1, anh H cùng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị V1, anh H thấy rằng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V1 và anh Hồ Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị V1, anh H xác định có 02 người con tên Hồ Nguyễn Huyền V2 sinh ngày 23.9.2004 và Hồ Quốc C sinh ngày 25.5.2015 hiện đang sống

với chị V1; chị V1 anh H cùng có yêu cầu nuôi dưỡng 2 người con. Xét yêu cầu của chị V1, anh H thì thấy rằng, anh H là tài xế xe khách thường xuyên chạy tuyến đường Bình Định-TP.HCM nên sẽ không có thời gian để chăm sóc các con, hiện tại cháu C vẫn do chị V1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hơn nữa cháu Hồ Nguyễn Huyền V2 có nguyện vọng tha thiết được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo việc học cũng như môi trường sống của các cháu được ổn định nên giao hai cháu Hồ Nguyễn Huyền V2, Hồ Quốc C cho chị V1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V1 có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/người con nhưng anh H không đồng ý. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” thì việc chị V1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo việc nuôi con được tốt hơn là chính đáng nên chấp nhận. Nhưng về mức cấp dưỡng thì xét anh H hiện là tài xế xe khách có thu nhập trung bình hàng tháng từ 8.000.000đ-9.000.000đ và hiện cũng đang nuôi dưỡng mẹ già nên buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị V1 nuôi hai con là 1.000.000đ/tháng/người con là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung: Chị V1, anh H xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 bàn máy may công nghiệp, 01 máy vắt sủ, 06 chỉ vàng 24k và 01 xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-04747. Ngày 20/4/2021 chị V1 có đơn xin rút một phần yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết đối với 01 chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 bàn máy may công nghiệp, 01 máy vắt sủ và tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu không tranh chấp các tài sản trên nên đình chỉ giải quyết đối với các tài sản này. Chị V1 xác định tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung còn lại của vợ chồng gồm 04 chỉ vàng 24k và giá trị xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-04747 do anh H bán là 11.000.000đ, chị yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24k và yêu cầu anh H giao cho chị tiền bán xe là 5.500.000đ. Ngược lại anh H khai lúc vợ chồng còn sống chung đã bán 06 chỉ vàng chỉ tiêu hết và sau khi chị V1 bỏ đi vào cuối năm 2020 thì anh đã bán xe Air Blade giá 7.500.000đ chỉ tiêu hết không còn nên không đồng ý theo yêu cầu của chị V1. Xét yêu cầu của chị V1 anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.4.1] Đối với 06 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của anh H về 06 chỉ vàng còn có mâu thuẫn nhau, trong biên bản ghi lời khai (bút lục số 33) anh xác định vợ chồng đã bán chỉ tiêu hết không còn, trong biên bản đối chất (bút lục 36, 37) thì anh khai “... vợ chồng bán vàng để trả nợ tiền bồi thường và nhiều lần bán vàng để về quê vợ ở Quảng Trị nên hết không còn... sau khi tôi ra tù thì bán 03 chỉ vàng để mua bàn máy may...” và trong biên bản hòa giải thì anh trình bày “... chị V1 khai có 06 chỉ vàng 24k là anh không biết” (bút lục 42). Mặt khác qua làm việc với cháu Hồ Nguyễn Huyền V2 (con của chị V1, anh H) có sự chứng kiến của chị V1 và anh H, cháu V2 trình bày “... sau khi mẹ con đi (mẹ đi tháng 12/2020 âm lịch) mẹ con có nói với con về việc đưa cho ba con giữ 06 chỉ vàng để cho 02 chị em con. Khoảng

*nửa tháng sau khi mẹ con đi thì em con bị bệnh nên ba con lấy 02 chỉ vàng cùng đi với con đến tiệm vàng Đức Lợi ở phường Bình Định bán 02 chỉ vàng được hơn 10.000.000đ. Số tiền này ba dùng để mua thuốc và sắm quần áo tết cho hai chị em con, còn lại 04 chỉ vàng thì ở đâu con không biết".* Như vậy có đủ cơ sở xác định anh H trực tiếp quản lý 06 chỉ vàng 24k, sau khi chị V1 bỏ đi thì anh H đã bán 02 chỉ vàng để chữa bệnh và sắm quần áo cho con nên chỉ còn 04 chỉ vàng 24k hiện anh H đang quản lý đúng như chị V1 đã trình bày; 04 chỉ vàng 24k do anh H quản lý là tài sản chung của vợ chồng, anh H không chứng minh được việc sử dụng số vàng trên nên căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, buộc anh H có trách nhiệm giao cho chị V1 sở hữu 02 chỉ vàng; còn 02 chỉ vàng do anh H quản lý thì giao cho anh H sở hữu.

[2.4.2] Đối với chiếc xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-04747: Chị V1 xác định anh H bán giá 11.000.000đ còn anh H khai đã bán với giá 7.500.000đ có viết giấy tay. Tòa án yêu cầu anh H cung cấp giấy bán xe và thông tin họ tên địa chỉ của người mua xe nhưng anh H cho rằng đã giao giấy viết tay cho người mua và không biết địa chỉ của người mua. Như vậy, anh H không có chứng cứ chứng minh việc anh H bán xe Air Blade biển kiểm soát 77F1-04747 với giá 7.500.000đ. Do đó chấp nhận lời khai của chị V1 xác định anh H đã bán xe với giá là 11.000.000đ. Số tiền 11.000.000đ do anh H bán xe Air Blade là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh H không chứng minh việc sử dụng số tiền này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên căn cứ Điều 59 luật hôn nhân gia đình buộc anh H phải có nghĩa vụ giao lại cho chị V1 sở hữu số tiền 5.500.000đ, còn 5.500.000đ anh H quản lý thì giao cho anh H sở hữu.

[2.5] Về nợ: Chị V1, anh H không yêu cầu giải quyết

[2.6] Án phí sơ thẩm:

[2.6.1] Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 775.000đ án phí chia tài sản, tổng cộng 1.075.000đ được trừ vào 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001562 ngày 12.3.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn 1.925.000đ hoàn trả cho chị V1.

[2.6.2] Anh Hồ Văn H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 775.000đ án phí chia tài sản, tổng cộng 1.075.000đ (một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 116 Luật hôn nhân gia đình và Điểm a, b Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V1 và anh Hồ Văn H.
2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao hai người con tên Hồ Nguyễn Huyền V2 (sinh ngày 23.9.2004) và Hồ Quốc C (sinh ngày 25.5.2015) cho chị V1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Hồ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Hồ Nguyễn Huyền V2 (sinh ngày 23.9.2004) số tiền 1.000.000đ/tháng và người con Hồ Quốc C (sinh ngày 25.5.2015) số tiền 1.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu V2 và cháu C đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1 Buộc anh Hồ Văn H có nghĩa vụ giao 02 (hai) chỉ vàng 24k và số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị V1 sở hữu.

3.2 Giao anh Hồ Văn H sở hữu 02 (hai) chỉ vàng 24k và số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) do anh đang quản lý.

3.3 Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với 01 chiếc xe Dream biển kiểm soát 53P3-9969, 01 bàn máy may công nghiệp, 01 máy vắt sợi do chị V1 rút yêu cầu.

#### 4. Án phí sơ thẩm:

4.1 Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 775.000đ án phí chia tài sản, tổng cộng 1.075.000đ được trừ vào 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001562 ngày 12.3.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn 1.925.000đ (một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho chị V1.

4.2 Hồ Văn H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 775.000đ án phí chia tài sản, tổng cộng 1.075.000đ (một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

#### 5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**